

## THÔNG BÁO

### Về việc mời đơn vị cung cấp thực phẩm cho người cai nghiện ma túy

Kính gửi: Các Nhà cung cấp thực phẩm

Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy; Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

Căn cứ Thông tư số 29/2022/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc thành lập, giải thể; tổ chức hoạt động, khung danh mục vị trí việc làm và định mức số người làm việc; nội quy, quy chế; mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành quản học viên; trang phục của viên chức, người lao động tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

Căn cứ tình hình thực tế việc cung cấp thực phẩm phục vụ người cai nghiện được khách quan, tuân thủ theo quy định của pháp luật. Cơ sở Cai nghiện ma túy thông báo đến các nhà cung cấp thực phẩm như sau:

1. Việc lựa chọn nhà cung cấp được thực hiện công khai, minh bạch và khách quan, tuân thủ theo các quy định của pháp luật.

2. Nhà cung cấp báo giá theo mẫu đính kèm Thông báo này. Báo giá nhà cung cấp bỏ trong phong bì dán kín, có giáp lai, gửi trực tiếp đến Cơ sở Cai nghiện ma túy trước 17 giờ 00 phút, ngày 21/6/2024.

3. Một số vấn đề nhà cung cấp cam kết

- Cung cấp giá cố định thực phẩm trong thời gian ký kết hợp đồng.

- Khi nhà cung cấp được lựa chọn cung ứng thực phẩm tại Cơ sở Cai nghiện ma túy phải thực hiện nghĩa vụ bảo đảm thực hiện hợp đồng cung ứng thực phẩm bằng tiền mặt tại Ngân hàng thương mại (số tiền đảm bảo tối thiểu bằng 03 ngày ăn của tổng số người cai nghiện ma túy tại Cơ sở). Nếu nhà cung cấp không thực hiện đúng theo cam kết về giá, chất lượng, số lượng, thời gian cung ứng thực phẩm thì Cơ sở Cai nghiện ma túy có toàn quyền quyết định xử lý với số tiền trên để bù đắp việc cung cấp thực phẩm cho người cai nghiện ma túy tại Cơ sở Cai nghiện ma túy.

- Nhà cung cấp có trách nhiệm ký kết hợp đồng nguyên tắc (trọn gói), cung cấp thực phẩm trong **thời gian 03 tháng từ ngày 01/7/2024 đến 30/9/2024**. Thực hiện cung cấp chứng từ thanh quyết toán theo quy định.

- Đảm bảo các quy định về an toàn thực phẩm, chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về hàng hóa, sản phẩm đã cung cấp.

- Một số vấn đề khác Cơ sở Cai nghiện ma túy sẽ thỏa thuận với Nhà cung cấp sau khi được lựa chọn cung cấp thực phẩm.

#### 4. Về hình thức lựa chọn nhà cung cấp

- Căn cứ vào bảng báo giá của các Nhà cung cấp thực phẩm, Cơ sở Cai nghiện ma túy thành lập Hội đồng chấm điểm lựa chọn Nhà cung cấp đạt tiêu chí theo quy định.

- Các tiêu chí chấm điểm như sau:

+ So sánh tổng giá của tất cả các loại mặt hàng chính (*thịt, cá, ...theo bảng kèm theo*) giữa các Nhà cung cấp, trường hợp giá bằng nhau tiến hành so sánh tổng giá của các loại mặt hàng thứ yếu.

+ Đơn vị tham gia phải chứng minh đủ năng lực thực hiện các loại chứng từ, xuất hóa đơn theo quy định của pháp luật (*giấy phép kinh doanh bản photo, mẫu hóa đơn photo*).

5. Sau thời gian 02 ngày sau khi được thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp thực phẩm mà Nhà cung cấp không đến ký kết hợp đồng thì Cơ sở Cai nghiện ma túy sẽ hủy kết quả lựa chọn Nhà cung cấp thực phẩm.

Cơ sở Cai nghiện ma túy kính thông báo đến các Nhà cung cấp thực phẩm được biết./.

#### Nơi nhận:

- Sở LĐTBXH (b/c);
- Ban Giám đốc;
- Các phòng Nghiệp vụ;
- Lưu: VT, TCHC.



Nguyễn Văn Nâu

Tên Nhà cung cấp

## BẢNG CHÀO GIÁ

STT	Tên các loại thực phẩm nông sản, gia vị	Đơn vị tính	Đơn giá
<b>A</b>	<b>CÁC LOẠI MẶT HÀNG CHÍNH</b>		
<b>I</b>	<b>Các loại thịt</b>		
1.	Thịt heo		
1.1	Thịt đùi nóng	kg	
1.2	Thịt ba rọi nóng	kg	
1.3	Thịt nạc xay	kg	
2	Thịt vịt		
2.1	Vịt nóng nguyên con	kg	
2.2	Vịt bông nóng (có cánh)	kg	
3	Thịt gà		
3.1	Gà nóng nguyên con	kg	
3.2	Gà bông nóng (có cánh)	kg	
4	Tim heo ĐL	kg	
5	Lưỡi heo ĐL	kg	
<b>II</b>	<b>Các loại cá</b>		
1	Cá basa xay	kg	
2	Cá rô loại 1 (3-4 con/kg)	kg	
3	Cá trê (size 500-800g)	kg	
4	Cá lóc (size 500-800g)	kg	
5	Cá điêu hồng (size 500-600g)	kg	
6	Cá bạc má ĐL (cá biển)		

6.1	Loại 1	kg	
6.2	Loại 2	kg	
7	Cá tráo DL (cá biển)		
7.1	Loại 1	Kg	
7.2	Loại 2	kg	
<b>III</b>	<b>Các loại thực phẩm khác</b>		
1	Ếch (3-4 con/kg)	kg	
2	Tép (size 100-110 con/kg)	kg	
3	Tương hột	kg	
4	Đậu hũ	kg	
5	Bò viên	kg	
6	Khô các loại (cá mòi, cá dứa, cá lù đù, ...)	kg	
7	Hột Gà		
7.1	Loại 1 (theo tiêu chuẩn siêu thị)	Hột	
7.2	Loại 2 (theo tiêu chuẩn siêu thị)	Hột	
8	Hột vịt		
8.1	Loại 1 (theo tiêu chuẩn siêu thị)	Hột	
8.2	Loại 2 (theo tiêu chuẩn siêu thị)	Hột	
<b>B</b>	<b>CÁC LOẠI MẶT HÀNG THỨ YẾU</b>		
<b>I</b>	<b>Các loại gia vị</b>		
1	Hành lá	kg	
2	Tỏi	kg	
3	Nước mắm (sá)	kg	
4	Nước tương (sá)	kg	
5	Muối (sá)	kg	

6	Bột ngọt (sá)	kg	
7	Nước màu (sá)	kg	
8	Dầu Saigon Gold	kg	
9	Đường (sá)	kg	
10	Me	kg	
11	Gừng	kg	
12	Rau canh chua	kg	
13	Rau răm	kg	
14	Cà chua	kg	
15	Rau muống hạt	kg	
16	Cải ngọt	kg	
17	Cà tím	kg	
18	Cải bẹ xanh	kg	
19	Bí xanh	kg	
20	Bầu	kg	
21	Muróp	kg	
22	Xả	kg	
23	Ớt	kg	

....., ngày tháng năm 2024

**Nhà cung cấp**

